

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2023

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông và bà Lê Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21-6-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 05-12-2022, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10-5-2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29-5-2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm: 1980; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – anh Tạ Văn D trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh chị Trần Thị Việt B kết hôn vào năm 2001, khi kết hôn chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B tỉnh L. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Cũng từ năm 2017 đến nay, hai vợ

chồng sống ly thân với nhau, chị B thường xuyên bỏ nhà đi không chăm lo cho cuộc sống gia đình và con cái, nên tình cảm vợ chồng không còn. Kể từ đó, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau.

Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh D xin được ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng anh Tạ Văn D có 02 con chung tên Tạ Trần Trung Q, sinh ngày 25/01/2002 và Tạ Trần Trung N, sinh ngày 01/01/2003. Hiện hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh Tạ Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Việt B vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu cầu viết bản khai và giao nộp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập.

Tại phiên tòa: Anh Tạ Văn D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

+ Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đầy đủ các thủ tục tiến hành tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 203 và 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

+ Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tạ Văn D:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tạ Văn D được ly hôn với chị Trần Thị

Việt B.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tạ Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn giữa anh với chị Trần Thị Việt B. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn"; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn - chị Trần Thị Việt B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Tạ Văn D trong quá trình nộp đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo, cũng như việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án thể hiện anh Tạ Văn D và chị Trần Thị Việt B tự nguyện kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh L cấp ngày 21-12-2001, nên theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị B được pháp luật công nhận.

[3.2] Theo trình bày của anh D, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó đến năm 2017 do việc làm ăn kinh tế không được thuận lợi, gặp khó khăn từ đó vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự khác nhau về lối sống, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ cuối năm 2017 đến nay, do vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung nên hai bên đã sống ly thân.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh D và chị B, được chính quyền thôn, chi hội trưởng hội phụ nữ thôn Đ, nơi vợ chồng anh chị sinh sống cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không chung sống cùng

nhau. Mặt khác, hai con chung của anh D và chị B cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của bố mẹ không còn ở chung với nhau, ly thân nhiều năm nay và không có ý kiến gì khi bố mẹ ly hôn.

[3.4] Như vậy, có cơ sở xác định: Kể từ cuối năm 2017 vợ chồng anh D – chị B có xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Mặt khác, dù mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra trong một thời gian dài nhưng đến nay nguyên đơn và bị đơn vẫn không thể giải quyết để hàn gắn tình cảm và quay về sống chung. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, cả chị B và anh D đều không có mong muốn được đoàn tụ. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D - chị B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn D được ly hôn với chị Trần Thị Việt B, như quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi.

[3.4] Về con chung: Hiện hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động, tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét

[3.5] Về tài sản chung: Anh Tạ Văn D, cũng như chị Trần Thị Việt B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Tạ Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

*- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;*

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn D được ly hôn với chị Trần Thị Việt B.

2. Về án phí: Anh Tạ Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Tạ Văn D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0002888 ngày 05-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi. Anh Tạ Văn D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-6-2023), anh Tạ Văn D có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Chị Trần Thị Việt B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND t. Kon Tum;
- VKSND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành

-

